TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KV 2 - LĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hphúc**

Bản án số: 25/2026/DS - ST
Ngày: 11-02-2026
V/v:"yêu cầu chia di sản thừa kế và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KV 2 - LĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị T Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Lợi

2. Ông Lê Văn H

- Thư ký phiên tòa*:* ông Nguyễn Văn Tấn - Thư ký của Toà án nhân dân KV 2 - LĐ.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân KV 2 - LĐ tham gia phiên tòa*:* ông Lê Quang Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân KV 2 - LĐ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 359/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "*yêu cầu chia di sản thừa kế và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông VTH, sinh năm 1993

Ông VTH, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: số 773 QL. 20, xã ĐT, tỉnh LĐ.

Ông VTH uỷ quyền cho bà TTBL, sinh năm 1971 tham gia tố tụng (theo văn bản uỷ quyền ngày 30/9/2025).

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông VTH: Luật sư NVH và Luật sư LTQM– Văn phòng Luật sư ĐT.

2. Bị đơn: bà HTT, sinh năm 1932; địa chỉ: tổ 19, thôn HT, xã NG, xã ĐT, tỉnh LĐ (đã chết ngày 10/10/2024);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà HTT:

2.1 Ông NVT, sinh năm 1955 (con trai bà HTT); CCCD: 056055002813 cấp ngày: 12/11/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: TDP LP, Phường CL, tỉnh KH.

Ông NVT uỷ quyền cho ông VTH tham gia tố tụng (văn bản uỷ quyền ngày 15/10/2024).

2.2. Bà HTMH, sinh năm 1957 (con gái bà HTT); CCCD: 056157005139 cấp ngày: 12/08/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: thôn HT, xã NG, tỉnh LĐ.

Bà HTMH uỷ quyền cho ông VTH tham gia tố tụng (văn bản uỷ quyền ngày 15/10/2024).

2.3. Ông VĐH, sinh năm 1967 (con trai bà HTT); CCCD: 056067008415 cấp ngày: 09/08/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: thôn NH, xã NG, tỉnh LĐ;

Ông VĐH uỷ quyền cho ông VTH tham gia tố tụng (văn bản uỷ quyền ngày 15/10/2024).

2.4. Ông VVL, sinh năm 1967 (con trai bà HTT); CCCD: 079067008007 cấp ngày: 22/12/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: 3/1 Đường 4, KP6 TT, TĐ, TP. HCM.

Ông VVL uỷ quyền cho bà PTTL, sinh năm 1990; địa chỉ: 773 QL20. LN, ĐT (văn bản uỷ quyền ngày 27/11/2024).

2.5. Bà VTKT, sinh năm 1962 (con gái bà HTT) CCCD: 056162000086 cấp tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: tầng 15, phòng 9, Chung cư HL PĐ, 2B TTV, Phường DA, Thành phố HCM.

Bà VTKT uỷ quyền cho ông NTT, sinh năm 1996 hoặc ông PTH, sinh năm: 1935 hoặc bà NTN, sinh năm 1996; cùng địa chỉ: 348 đường Bưởi, phường NH, thành phố HN tham gia tố tụng (theo văn bản uỷ quyền ngày 04/12/2024).

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà VTKT: Luật sư HPN – Công ty Luật TNHH HN.

2.6. Bà NTT, sinh năm 1953 (con gái bà HTT); CCCD: 05415300514; địa chỉ: 171/4 ĐTĐ, Phường DA, Thành phố HCM;

Bà NTT uỷ quyền cho bà NTH, sinh năm 1991; địa chỉ: thửa 793, TBĐ, phường LV - ĐL, tỉnh LĐ và bà PNP, sinh năm 1996; địa chỉ: 75B ĐDT, phường XH - ĐL, tỉnh LĐ (theo văn bản uỷ quyền ngày 19/5/2025).

2.7. Ông VNH, sinh năm 1969 (đã chết năm 2000); người thừa kế thế vị của ông H gồm:

2.7.1 Bà VMT, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn HT, xã NG, xã ĐT, tỉnh LĐ;

Bà VMT uỷ quyền cho ĐTPA, sinh năm 2002; địa chỉ: 17 TC, xã ĐT, LĐ (văn bản uỷ quyền ngày 03/12/2024).

2.7.2 Bà VMT, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn HT, xã NG, tỉnh LĐ;

Bà VMT uỷ quyền cho PTTL, sinh năm 1990; địa chỉ: 773 QL20, xã ĐT (văn bản uỷ quyền ngày 28/11/2024).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*: bà LTLN, sinh năm 1980; địa chỉ: 246 TN, xã ĐT, tỉnh LĐ. Bà N uỷ quyền cho bà TTTA, sinh năm 1993; địa chỉ: 208 TĐ, xã TH, tỉnh LĐ tham gia tố tụng.

(Ông H, ông H, bà L, bà PAcó mặt; bà T, bà T, bà N có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 18/7/2024, 25/8/2024, 29/8/2024; đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 31/12/2025 và 10/01/2026, bản tự khai của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông H, ông H trình bày:*

Ông VTH, ông VTH là con ruột của ông VVL, sinh năm 1964 (chết ngày 27/5/2024) theo giấy chứng tử số 114/2024/TLKT ngày 31/5/2024 của Uỷ ban nhân dân thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh LĐ.

Ông VVL có cha là VT, sinh năm 1922 (chết trước ông L), có mẹ là bà HTT, sinh năm 1932 (đã chết ngày 10/10/2024).

Ông VVL không có con nuôi.

Như vậy, sau khi ông L chết thì hàng thừa kế thứ nhất của ông VVL gồm: ông VTH, ông VTH, bà HTT. Do bà HTT, sinh năm 1932 đã chết ngày 10/10/2024 nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà HTT, bao gồm: ông NVT, sinh năm 1955; bà HTMH, sinh năm 1957; ông VĐH, sinh năm 1967; ông VVL, sinh năm 1967; bà VTKT, sinh năm 1962; bà NTT, sinh năm 1953; ông VNH, sinh năm 1969 (đã chết năm 2000) (người thừa kế thế vị của ông H gồm: bà VMT, bà VMT, sinh năm 1995.

Sau khi ông L qua đời có để lại số tài sản sau:

1. Quyền sở hữu nhà ở đối với nhà ở tại địa chỉ Tổ 4, khu phố 2, thị trấn LN (tổng diện tích sử dụng: 420,00m^2, diện tích xây dựng 159,44m^2 kết cấu BTCT, sần BT, mái BT ba tầng) và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 307 tờ bản đồ 06 thị trấn LN (diện tích 159,44m^2 sử dụng riêng) được cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 4203011843 có số hồ sơ gốc 2575 do UBND huyện ĐT cấp ngày 05/09/2003.

2. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 409 tờ bản đồ số 00, thôn TP, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐ (diện tích 5.175m^2 đất HNK) được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 543560 do UBND huyện ĐT cấp ngày 25/01/2013.

3. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG (diện tích 4.238m^2 đất CLN) được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073091 do UBND huyện ĐT cấp ngày 01/08/2007.

4. Quyền sử dụng đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG (diện tích 611m^2 đất CLN) được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073092 do UBND huyện ĐT cấp ngày 01/08/2007.

5. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG (diện tích 43.614m^2 đất CLN) được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073093 do UBND huyện ĐT cấp ngày 01/08/2007.

6. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG (diện tích 355m^2 đất NTS) được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073094 do UBND huyện ĐT cấp ngày 01/08/2007.

7. Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG (diện tích 38.801m^2) được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073095 do UBND huyện ĐT cấp ngày 01/08/2007.

Trước khi chết, ông VVL đã thế chấp các tài sản nêu trên tại ngân hàng Á Châu – chi nhánh LĐ, PGD ĐT để bảo đảm nghĩa vụ vay theo Hợp đồng tín dụng số DTN.CN.503.290723 ký ngày 29/07/2023.

Từ ngày 31/7/2024 đến ngày 16/9/2024, ông VTH đã thay ông VVL trả cho ngân hàng Á Châu số tiền nợ gốc và lãi là 19.977.284.381đồng (mười chín tỷ chín trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm tám mươi mốt đồng) theo Hợp đồng tín dụng số DTN.CN.503.290723 ký ngày 29/7/2023. Như vậy, nghĩa vụ theo Hợp đồng tín Hợp đồng tín dụng số DTN.CN.503.290723 ký ngày 29/07/2023 tính đến ngày 16/09/2024 đã được T toán xong, dư nợ là 0đồng (không đồng).

Ngoài ra, ngày 13/9/2024, ông VTH tiếp tục nộp tiền mặt T toán thẻ tín dụng của ông VVL số tiền 23.050.000đồng (hai mươi triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài nghĩa vụ T toán khoản vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu, ông VTH còn trực tiếp để T toán thay ông VVL các khoản nợ riêng, gồm:

- T toán cho bà LTLN số tiền 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng) vào ngày 24/12/2025.
- T toán cho bà VTKT số tiền 2.000.000.000đồng (hai tỷ đồng) vào ngày 30/9/2025.
- T toán cho bà NTT số tiền 800.000.000đồng (tám trăm triệu đồng) vào ngày 30/9/2025.

Như vậy, tổng cộng số tiền mà ông VTH đã thực tế chi trả thay cho ông VVL, bao gồm tiền T toán cho ngân hàng và các khoản nợ riêng của ông VVL là 23.800.334.381đồng (*hai mươi ba tỷ tám trăm triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng*). Toàn bộ các khoản tiền này đều được sử dụng nhằm mục đích duy nhất là thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho ông VVL.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 16/12/2025 của Công ty Thẩm định giá Thành Sen, tổng giá trị các tài sản nêu trên thuộc di sản của ông VVL là 38.148.076.000đồng (ba mươi tám tỷ một trăm bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Sau khi trừ đi toàn bộ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đã được T toán, giá trị di sản còn lại của ông VVL là 14.347.741.619đồng (mười bốn tỷ ba trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn sáu trăm mười chín đồng).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà HTT:

- Ông VĐH đã có văn bản từ chối nhận di sản lập ngày 15/10/2025 tại Văn phòng công chứng Gia Hưng ĐT, địa chỉ số 609, QL. 20, xã ĐT, tỉnh LĐ. Đồng thời ông Huy cũng đã có đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và bản tự khai ngày 01/12/2024 thể hiện nội dung đối với phần di sản thừa kế do ông VVL để lại mà bà HTT được hưởng, nay ông Huy là người thừa kế hàng thứ nhất của bà Thơ, ông Huy tự nguyện tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản thừa kế của mình cho ông VTH và ông VTH. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, ông VĐH đã ủy quyền cho ông VTH tham gia tố tụng.

- Bà HTMH đã có văn bản từ chối nhận di sản lập ngày 15/10/2025 tại Văn phòng công chứng Gia Hưng ĐT, địa chỉ số 609, QL. 20, xã ĐT, tỉnh LĐ. Đồng thời bà H cũng đã có đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và bản tự khai ngày 01/12/2024 thể hiện nội dung đối với phần di sản thừa kế do ông VVL để lại mà bà HTT được hưởng, nay bà Hlà người thừa kế hàng thứ nhất của bà Thơ, bà Htự nguyện tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản thừa kế của mình cho ông VTH và ông VTH. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bà HTMH đã ủy quyền cho ông VTH tham gia tố tụng.

- Ông VVL đã có văn bản từ chối nhận di sản lập ngày 15/10/2025 tại Văn phòng công chứng Gia Hưng ĐT, địa chỉ số 609, QL. 20, xã ĐT, tỉnh LĐ. Đồng thời, ông Luân cũng đã có đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và bản tự khai ngày 1/12/2024 thể hiện nội dung đối với phần di sản thừa kế do ông VVL để lại mà bà HTT được hưởng, nay ông Luân là người thừa kế hàng thứ nhất của bà Thơ, ông Luân tự nguyện tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản thừa kế của mình cho ông VTH và ông VTH. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, ông VVL đã ủy quyền cho bà PTTL tham gia tố tụng.

- Bà NTT đã có văn bản từ chối nhận di sản lập ngày 01/10/2025 tại Văn phòng Công chứng Đà Lạt, địa chỉ: số 35 PĐTV, phường LV - ĐL, tỉnh LĐ. Thể hiện nội dung đối với phần di sản thừa kế do ông VVL để lại mà bà HTT được hưởng, nay bà T là người thừa kế hàng thứ nhất của bà Thơ, bà T tự nguyện từ chối nhận di sản mà bà T được hưởng.

- Bà VTKT đã có văn bản từ chối nhận di sản lập ngày 01/10/2025 tại Văn phòng Công chứng Đà Lạt, địa chỉ: số 35 PĐTV, phường LV - ĐL, tỉnh LĐ. Thể hiện nội dung đối với phần di sản thừa kế do ông VVL để lại mà bà HTT được hưởng, nay bà T là người thừa kế hàng thứ nhất của bà Thơ, bà T tự nguyện từ chối nhận di sản mà bà T được hưởng.

- Ông NVT đã có đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và bản tự khai ngày 01/12/2024 thể hiện nội dung đối với phần di sản thừa kế do ông VVL để lại mà bà HTT được hưởng, nay ông Thế là người thừa kế hàng thứ nhất của bà Thơ, ông Thế tự nguyện tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản thừa kế của mình cho ông VTH và ông VTH. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, ông NVT đã ủy quyền cho ông VTH tham gia tố tụng.

- Bà VMT là người thừa kế thế vị của ông VNH (ông H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà HTT), đã có đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và bản tự khai ngày 1/12/2024 thể hiện nội dung đối với phần di sản thừa kế do ông VVL để lại mà bà HTT được hưởng, nay ông H là người thừa kế hàng thứ nhất của bà Thơ, ông H mất trước bà Thơ nên bà VMT là người thừa kế

thế vị ông H đã tự nguyện tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản thừa kế của ông H cho ông VTH và ông VTH. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bà VMT đã ủy quyền cho bà PTTL tham gia tố tụng.

- Bà VMT là người thừa kế thế vị của ông VNH (ông H là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà HTT), đã có đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và bản tự khai ngày 1/12/2024 thể hiện nội dung đối với phần di sản thừa kế do ông VVL để lại mà bà HTT được hưởng, nay ông H là người thừa kế hàng thứ nhất của bà Thơ, ông H mất trước bà Thơ nên bà VMT là người thừa kế thế vị ông H đã tự nguyện tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản thừa kế của ông H cho ông VTH và ông VTH. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bà VMT đã ủy quyền cho bà ĐTPA tham gia tố tụng.

Như vậy, đối với phần di sản thuộc quyền hưởng thừa kế của bà HTT, hiện không còn bất kỳ cá nhân nào có quyền, lợi ích hợp pháp tranh chấp hoặc yêu cầu khác.

Nay ông VTH, ông VTH yêu cầu Toà án: công nhận toàn bộ các di sản thừa kế nêu trên do ông VVL để lại thuộc quyền thừa kế hợp pháp của VTH và ông VTH. Xác định ông VTH và ông VTH là những người được hưởng toàn bộ khối di sản thừa kế nêu trên theo quy định của pháp luật.

***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà HTT: ông VVL và bà HTMH có bản trình bày như sau:** mẹ đẻ ông bà là bà HTT sinh ngày 01/01/1932, CCCD số 054132003160 cấp ngày 22/09/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: tổ 19, thôn HT, xã NG, tỉnh LĐ. Hiện mẹ ông bà đã mất vào ngày 10/10/2024, theo Trích lục khai tử số 104/2024/TLKT, của UBND phường TT, TP. TĐ, TP. HCM cấp ngày 16/10/2024.

Khi còn sống, mẹ ông bà là người bị kiện trong vụ việc *"yêu cầu phân chia di sản thừa kế"* do người khởi kiện là ông VTH, VTH đang được Toà án nhân dân Khu vực 2 – LĐthụ lý giải quyết.

Nay đối với di sản thừa kế của bà HTT đối với phần tài sản là di sản thừa kế do ông VVL để lại, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định

Đối với phần di sản thừa kế do ông VVL để lại mà mẹ ông bà được thụ hưởng, nay ông bà là hàng thừa kế thứ nhất của bà Thơ đồng ý tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản thừa kế của ông bà từ bà HTT trong khối di sản ông VVL để lại cho VTH và VTH.

***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà HTT: bà VMT và bà VMT (thừa kế thế vị của ông VNH)** có văn bản trình bày: bà nội là bà HTT sinh ngày 01/01/1932, CCCD số 054132003160 cấp ngày 22/09/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: tổ 19, thôn HT, xã NG, tỉnh LĐ.

Hiện bà Thơ đã mất vào ngày 10/10/2024, theo Trích lục khai tử số 104/2024/TLKT, của UBND phường TT, TP. TĐ, TP. HCM cấp ngày 16/10/2024.

Nay do trong gia đình không TN được tất cả các thành viên có liên quan đến việc phân chia di sản thừa kế của bà HTT đối với phần tài sản là di sản thừa kế do ông VVL để lại, nên đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Đối với phần di sản thừa kế do ông VVL để lại mà bà Thơ được thụ hưởng, nay ông H là hàng thừa kế thứ nhất của bà Thơ – con ruột, ông H mất trước bà Thơ nên 02 bà là người thừa kế thế vị của ông H, 02 bà có ý kiến như sau: đồng ý tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản thừa kế của 02 bà từ bà HTT trong khối di sản ông VVL để lại cho VTH và VTH.

***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà HTT: ông NVT** có văn bản trình bày: Mẹ đẻ ông là bà HTT sinh ngày 01/01/1932, CCCD số 054132003160 cấp ngày 22/09/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: tổ 19, thôn HT, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐ.

Hiện mẹ ông đã mất vào ngày 10/10/2024, theo Trích lục khai tử số 104/2024/TLKT, của UBND phường TT, TP. TĐ, TP. HCM cấp ngày 16/10/2024.

Nay, do trong gia đình ông không TN được tất cả các thành viên có liên quan đến việc phân chia di sản thừa kế của bà HTT đối với phần tài sản là di sản thừa kế do ông VVL để lại, nên ông đề nghị Toà án các cấp xem xét giải quyết.

Đối với phần di sản thừa kế do ông VVL để lại mà mẹ ông được thụ hưởng, nay ông là hàng thừa kế thứ nhất của bà Thơ, ông tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản thừa kế của ông từ bà HTT trong khối di sản ông VVL để lại cho VTH và VTH.

***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà HTT: ông VVL** có văn bản trình bày: Mẹ đẻ ông là bà HTT sinh ngày 01/01/1932, CCCD số 054132003160 cấp ngày 22/09/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ: tổ 19, thôn HT, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐ.

Hiện mẹ ông đã mất vào ngày 10/10/2024 theo Trích lục khai tử số 104/2024/TLKT ngày 16/10/2024 của UBND phường TT, Thành phố TĐ, TP. HCM.

Nay do trong gia đình ông không TN được tất cả các thành viên có liên quan đến việc phân chia di sản thừa kế của bà HTT đối với phần tài sản là di sản thừa kế do ông VVL để lại, nên ông đề nghị Toà án các cấp xem xét giải quyết.

Đối với phần di sản thừa kế do ông VVL để lại mà mẹ ông được thụ hưởng, nay ông là hàng thừa kế thứ nhất của bà – con ruột, ông tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản thừa kế của ông từ bà HTT trong khối di sản ông VVL để lại cho VTH và VTH.

***Bà PTTL – đại diện theo uỷ quyền của ông VVL và bà VMT trình bày:** ông Luân đã có văn bản từ chối phần di sản của ông L; còn bà Trinh có văn bản tặng cho phần di sản của ông L và tặng cho phần di sản này cho ông H. Bà đại diện theo uỷ quyên của ông Luân và bà Trinh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, ông H và không có yêu cầu gì khác.

***Bà ĐTPA - đại diện theo uỷ quyền của bà VMT trình bày:** bà Trâm đã có văn bản từ chối phần di sản của ông L. Bà đại diện cho bà Trâm đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, ông H và không có yêu cầu gì khác.

***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà HTT: bà NTT** có đơn xin vắng mặt và trình bày: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà T không có ý kiến gì. Đồng thời, bà T nộp văn bản từ chối nhận di sản của ông L.

***Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà HTT:** b**à VTKT** có đơn xin vắng mặt và trình bày: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà T không có ý kiến gì. Đồng thời, bà T nộp văn bản từ chối nhận di sản của ông L.

Tòa án đã tiến hành phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Công nhận toàn bộ các di sản thừa kế nêu trên do ông VVL để lại thuộc quyền thừa kế hợp pháp của VTH và ông VTH. Xác định ông VTH và ông VTH là những người được hưởng toàn bộ khối di sản thừa kế nêu trên theo quy định của pháp luật.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông H, ông H phát biểu: đề nghị Hội đồng xét xử công nhận toàn bộ các di sản thừa kế nêu trên do ông VVL để lại thuộc quyền thừa kế hợp pháp của VTH và ông VTH. Xác định ông VTH và ông VTH là những người được hưởng toàn bộ khối di sản thừa kế nêu trên theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - LĐ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể:

-Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông VTH và ông VTH về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

Xác định di sản thừa kế do ông VVL (chết ngày 27/5/2024) để lại gồm toàn bộ các tài sản sau:

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thuộc thửa đất số 307 tờ bản đồ 06 thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh LĐ(nay là xã ĐT) do UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp ngày 05/9/2003 theo giấy chứng nhận số 4203011843.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 409 tờ bản đồ số 00, thôn TP xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐdo UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp Giấy chứng nhận Quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 543560 cấp ngày 25/01/2013.

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐdo UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073091 ngày 01/08/2007.

- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐdo UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073092 ngày 01/08/2007.

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG huyện ĐT, tỉnh LĐdo UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073093 ngày 01/08/2007.

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐdo UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073094 ngày 01/08/2007.

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐdo UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073095 ngày 01/08/2007.

Công nhận quyền hưởng di sản: công nhận ông VTH, ông VTH là những người thừa kế theo pháp luật, được hưởng toàn bộ khối di sản nêu trên và quyền sử dụng toàn bộ di sản.

Ông VTH, ông VTH có quyền đăng ký biến động, thực hiện mọi quyền của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản theo quy định pháp luật đất đai và dân sự.

Ghi nhận sự từ chối và tặng cho di sản:

- Ghi nhận việc từ chối nhận di sản hợp pháp của: ông VĐH, bà HTMH, ông VVL, bà NTT, bà VTKT.

- Ghi nhận việc tự nguyện tặng cho phần quyền hưởng di sản cho ông VTH, ông VTH của: ông NVT, bà VMT, bà VMT

Nghĩa vụ tài sản của người chết để lại: ghi nhận ông VTH đã T toán thay ông VVL toàn bộ nghĩa vụ tài sản với tổng số tiền 23.800.334.381đồng (hai mươi ba tỷ tám trăm triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng).

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà VTKT và bà NTT, bà LTLN về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", do bà VTKT và bà NTT, bà LTLN đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu nói trên của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông VTH và ông VTH phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Hoàn trả cho bà LTLN số tiền 28.500.000đồng (hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000273 ngày

21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh LĐ(nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – LĐ).

- Đối với thụ lý yêu cầu khởi kiện độc lập của bà VTKT, bà NTT thì Toà án thụ lý thuộc trường hợp người khởi kiện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không thu tiền tạm ứng án phí của bà VTKT, bà NTT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông VTH, ông VTH yêu cầu Toà án chia di sản , Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp "yêu cầu chia di sản thừa kế" theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, bà VTKT, bà NTT và bà LTLN có đơn yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án buộc những người thừa kế của ông VVL phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, cụ thể là T toán các khoản tiền mà các đương sự cho rằng ông VVL còn nợ trước khi chết. Do đó, đối với các yêu cầu này, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn là bà HTT khi còn sống cư trú tại huyện ĐT, tỉnh LĐ; các tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở đều tọa lạc tại huyện ĐT, tỉnh LĐ(nay là xã NG và xã ĐT, tỉnh LĐ). Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – LĐ.

[1.3] Về người tham gia tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà HTT đã chết vào ngày 10/10/2024. Tòa án đã đưa những người thừa kế của bà HTT tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp pháp luật.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, có một số người thuê các thửa đất tranh chấp trong vụ án, nhưng đến quá trình xét xử vụ án thì không còn ai thuê và sử dụng đất nữa mà ông VTH là người trực tiếp quản lý sử dụng toàn bộ các thửa đất nêu trên. Do đó, những người thuê đất trước đây không còn là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản tranh chấp trong vụ án.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Thơ đồng thời là người có yêu cầu độc lập trong vụ án là bà NTT và bà VTKT và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà LTLN đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt; căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà T, bà T, bà N theo thủ tục chung.

[1.5] Hiện nay các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 4203011843 có số hồ sơ gốc 2575 do UBND huyện ĐT cấp ngày 05/09/2003; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 543560 do UBND huyện ĐT cấp ngày 25/01/2013; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073091 do UBND huyện ĐT cấp ngày 01/08/2007; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073092 do UBND huyện ĐT cấp ngày 01/08/2007; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073093 do UBND huyện ĐT cấp ngày 01/08/2007; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073094 do UBND huyện ĐT cấp ngày 01/08/2007; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 073095 do UBND huyện ĐT cấp ngày 01/08/2007, hiện do ông VTH, ông VTH đang quản lý; không có thế chấp quyền sử dụng đất tại tổ chức tín dụng, cá nhân nào.

[2] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về di sản do ông VVL để lại:

Căn cứ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài liệu có trong hồ sơ, có căn cứ xác định ông VVL đứng tên hợp pháp các tài sản gồm nhà, đất ở tại thị trấn LN (nay là xã ĐT) và các thửa đất tại xã NG (thửa đất số 307 tờ bản đồ 06 thị trấn LN; các thửa đất số 409, 54, 55, 56, 53, 52 tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG, tỉnh LĐ) như nguyên đơn trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không xuất trình tài liệu chứng minh các tài sản trên là tài sản chung với người khác hoặc đang có tranh chấp với bên thứ ba.

Tòa án đã thu thập hoạ đồ đo đạc và chứng thư thẩm định giá để xác định hiện trạng và giá trị tài sản trong quá trình giải quyết vụ án. Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 16/12/2025 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thành Sen, tổng giá trị toàn bộ tài sản là 38.148.076.000đồng.

Do đó, có đủ căn cứ xác định đây là di sản thừa kế hợp pháp do ông VVL để lại.

[3] Về nghĩa vụ tài sản của người chết để lại:

Theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, trước khi chia di sản thừa kế phải thực hiện việc T toán các nghĩa vụ tài sản của người chết bằng di sản của người đó.

Trước khi chết, ông VVL có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu (ACB) theo Hợp đồng tín dụng số DTN.CN.503.290723 ngày 29/7/2023 và đã thế chấp các tài sản nêu trên để bảo đảm nghĩa vụ vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn VTH đã cung cấp các chứng từ chứng minh từ ngày 31/7/2024 đến ngày 16/9/2024 đã T toán thay toàn bộ

khoản nợ gốc và lãi cho ngân hàng với số tiền 19.977.284.381đồng, T toán thẻ tín dụng của ông VVL số tiền **23.050.000**đồng, làm chấm dứt nghĩa vụ vay và giải chấp các tài sản thế chấp.

Ngoài ra, ông VTH còn T toán các khoản nợ của ông VVL đối với bà LTLN, bà VTKT và bà NTT với tổng số tiền 3.800.000.000đồng. Các đương sự liên quan đều xác nhận đã nhận đủ tiền và không còn tranh chấp gì đối với các khoản nợ này.

Như vậy có đủ căn cứ xác định toàn bộ nghĩa vụ tài sản của ông VVL đã được T toán trước khi chia di sản thừa kế, với tổng số tiền 23.800.334.381đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy nghĩa vụ tài sản chủ yếu làm phát sinh ràng buộc đối với di sản đã được thực hiện xong, đủ điều kiện xem xét chia thừa kế/ghi nhận quyền hưởng di sản theo yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về giá trị di sản sau khi trừ nghĩa vụ tài sản:

Theo kết quả định giá, tổng giá trị toàn bộ tài sản thuộc di sản thừa kế của ông VVL là 38.148.076.000đồng.

Sau khi trừ các nghĩa vụ tài sản đã được T toán với tổng số tiền 23.800.334.381đồng, giá trị di sản còn lại để phân chia là 14.347.741.619đồng.

Tuy nhiên, đối với việc xác định án phí dân sự sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào tổng giá trị tài sản mà đương sự được Tòa án công nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng, chứ không phải căn cứ vào giá trị di sản còn lại sau khi trừ nghĩa vụ tài sản. Bởi lẽ, việc T toán nghĩa vụ tài sản của người chết là nghĩa vụ bắt buộc phải thực hiện trước khi chia thừa kế theo quy định của pháp luật dân sự nhằm giải chấp tài sản và bảo đảm điều kiện pháp lý để xác lập quyền đối với khối tài sản đó; việc thực hiện nghĩa vụ này không làm thay đổi giá trị pháp lý của toàn bộ khối tài sản là di sản thừa kế.

[5] Về hàng thừa kế:

Ông VVL chết ngày 27/5/2024 và không để lại di chúc nên di sản của ông L được chia theo pháp luật theo các Điều 649, 650 và 651 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông VVL gồm: bà HTT (mẹ ruột), ông VTH, ông VTH

Sau khi ông L chết, bà HTT tiếp tục chết ngày 10/10/2024 nên phần quyền hưởng di sản của bà Thơ được chuyển cho những người thừa kế của bà Thơ theo quy định của pháp luật.

[6] Về phần quyền hưởng di sản của bà HTT và ý chí định đoạt của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà HTT:

Bà HTT chết ngày 10/10/2024. Phần quyền hưởng di sản của bà Thơ (nếu có) trong khối di sản do ông VVL để lại được chuyển cho những người thừa kế của bà HTT theo quy định pháp luật. Hồ sơ vụ án xác định những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà HTT gồm: ông NVT; bà HTMH; ông VĐH; ông

VVL; bà VTKT; bà NTT; ông VNH (đã chết) và người thừa kế thế vị của ông VNH là bà VMT, bà VMT.

[6.1] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà HTT từ chối nhận di sản:

Căn cứ hồ sơ vụ án, những người sau đây đã lập văn bản từ chối nhận di sản tại tổ chức hành nghề công chứng:

Ông VĐH (lập ngày 15/10/2025 tại Văn phòng công chứng Gia Hưng ĐT);

Bà HTMH (lập ngày 15/10/2025 tại Văn phòng công chứng Gia Hưng ĐT);

Ông VVL (lập ngày 15/10/2025 tại Văn phòng công chứng Gia Hưng ĐT);

Bà NTT (lập ngày 01/10/2025 tại Văn phòng Công chứng Đà Lạt);

Bà VTKT (lập ngày 01/10/2025 tại Văn phòng Công chứng Đà Lạt).

Hội đồng xét xử xét thấy: các văn bản từ chối nhận di sản nêu trên thể hiện rõ chủ thể, nội dung từ chối, thời điểm, nơi lập; không có tài liệu chứng minh bị cưỡng ép, lừa dối, nhầm lẫn hoặc vô hiệu. Do đó, có căn cứ xác định các cá nhân này đã tự nguyện từ chối quyền hưởng di sản (nếu có) theo quy định pháp luật, phù hợp Điều 620 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6.2] Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà HTT tặng cho phần quyền hưởng di sản:

Đối với những người sau đây tuy không lập "văn bản từ chối" theo hình thức công chứng nhưng trong bản tự khai/văn bản trình bày đã thể hiện rõ ý chí tự nguyện tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản của mình cho ông VTH và ông VTH, cụ thể:

- Ông NVT: trong bản tự khai xác định tự nguyện tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản cho ông VTH và ông VTH; đồng thời ủy quyền cho ông VTH tham gia tố tụng.

- Bà VMT: là người thừa kế thế vị của ông VNH; tự nguyện tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản thế vị cho ông VTH và ông VTH; ủy quyền cho bà PTTL tham gia tố tụng.

Bà VMT: là người thừa kế thế vị của ông VNH; tự nguyện tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản thế vị cho ông VTH và ông VTH; ủy quyền cho bà ĐTPA tham gia tố tụng.

Đồng thời, đại diện theo ủy quyền của một số người kế thừa (bà PTTL; bà ĐTPA) đều xác nhận đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu gì khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: ý chí tặng cho được thể hiện rõ ràng, nhất quán, tự nguyện trong quá trình tố tụng; không có ai phản đối, không có yêu cầu tuyên vô hiệu; không ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba. Do đó, có căn cứ ghi nhận việc tặng cho phần quyền hưởng di sản của các cá nhân nêu trên là hợp pháp.

[6.3] Như vậy, toàn bộ những người thuộc hàng thừa kế của bà HTT đều đã thể hiện ý chí không nhận (từ chối) hoặc chuyển giao/tặng cho toàn bộ phần quyền hưởng di sản của mình cho ông VTH và ông VTH; không có người nào yêu cầu chia phần di sản trái với yêu cầu của nguyên đơn; không phát sinh tranh chấp thực tế về phần quyền hưởng di sản của bà Huỳnh Thị Thơ trong khối di sản ông VVL để lại.

Do đó, có căn cứ xác định phần quyền hưởng di sản của bà HTT (nếu có) đã được chuyển dịch theo ý chí tự nguyện của những người thừa kế và phù hợp pháp luật; là căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[7] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét thấy, di sản thừa kế đã được xác định rõ; nghĩa vụ tài sản của người chết đã được T toán; những người kế thừa của bà HTT đều từ chối hoặc tặng cho phần quyền hưởng di sản của mình; không có tranh chấp thực tế về quyền hưởng di sản.

Do đó yêu cầu khởi kiện của ông VTH và ông VTH đề nghị được hưởng toàn bộ khối di sản thừa kế do ông VVL để lại là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật, nên cần chấp nhận.

[8] Đối với kết quả đo đạc ngày 04/3/2025 và hoạ đồ bổ sung ngày 12/12/2025 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ĐT cung cấp: các đương sự đồng ý và không có yêu cầu gì.

[9] Đối với giá trị quyền sử dụng đất: các đương sự yêu cầu căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số 476/2025/231/CT-TS ngày 16/12/2025 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Thành Sen làm căn cứ giải quyết vụ án.

[10] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[11] Đối với ý kiến phát biểu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn VTH tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[12] Về chi phí tố tụng: nguyên đơn ông VTH và ông VTH đồng ý chịu toàn bộ chi phí tố tụng xem xét thẩm định, đo đạc và thẩm định giá tài sản là 105.000.000đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ và quyết toán xong.

[13] Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà VTKT, bà NTT, bà LTLN thì bà VTKT, bà NTT, bà LTLN đã rút yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà VTKT, bà NTT, bà LTLN theo quy định.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[14.1] Hội đồng xét xử xét thấy:

Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do ông VVL đứng tên là di sản thừa kế và đề nghị được hưởng toàn bộ khối di sản này.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản thể hiện tổng giá trị toàn bộ di sản là 38.148.076.000đồng.

Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận ông VTH và ông VTH là những người được hưởng toàn bộ khối di sản nêu trên, nên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mà mình được hưởng hoặc nghĩa vụ phải thực hiện.

Đối chiếu quy định trên, trường hợp này nguyên đơn là những người trực tiếp được Tòa án công nhận quyền hưởng toàn bộ khối di sản nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được hưởng.

Việc T toán các khoản nợ của ông L là việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của người chết theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015, nhằm giải chấp tài sản và bảo đảm điều kiện pháp lý để xác lập, chuyển dịch quyền đối với di sản; đây là nghĩa vụ bắt buộc phải thực hiện trước khi chia thừa kế, không làm thay đổi hoặc làm giảm giá trị pháp lý của khối tài sản được định giá.

Sau khi T toán nghĩa vụ, toàn bộ nhà đất vẫn tồn tại nguyên trạng và được định giá đầy đủ theo giá thị trường. Do đó, khoản tiền nguyên đơn đã T toán thay không phải là khoản khấu trừ làm giảm giá trị tài sản được công nhận.

Vì vậy, án phí dân sự sơ thẩm phải được tính trên toàn bộ giá trị di sản theo kết quả định giá, không trừ các nghĩa vụ tài sản đã T toán.

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đối với tranh chấp dân sự có giá ngạch, cụ thể: tổng giá trị tài sản: 38.148.076.000đồng.

Nên án phí phải nộp là: 112.000.000 + (0,1% × 38.148.076.000 − 4.000.000.000) = 146.148.076đồng

Do ông VTH và ông VTH được hưởng toàn bộ di sản nên ông H, ông H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 146.148.076đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm bốn tám ngàn không trăm bảy mươi sáu đồng), được trừ vào số tiền 12.088.484đồng ông VTH đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000010 ngày 04/10/2024 và số tiền 12.088.484đồng ông VTH đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000009 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – LĐ) và số tiền 36.996.903đồng ông VTH và ông VTH đã tạm nộp theo biên lai thu số 0001332 ngày 19/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – LĐ.

[14.2] Hoàn trả cho bà LTLN số tiền 28.500.000đồng (hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000273 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh LĐ(nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – LĐ).

[14.3] Đối với thụ lý yêu cầu khởi kiện độc lập của bà VTKT, bà NTT thì Toà án thụ lý thuộc trường hợp người khởi kiện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí

theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không thu tiền tạm ứng án phí của bà VTKT, bà NTT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 612, 613, 614, 615, 620, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông VTH và ông VTH về việc "yêu cầu chia di sản thừa kế và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"

2. Xác định di sản thừa kế do ông VVL (chết ngày 27/5/2024) để lại gồm toàn bộ các tài sản sau:

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở thuộc thửa đất số 307 tờ bản đồ 06 thị trấn LN, huyện ĐT, tỉnh LĐ(nay là xã ĐT) do UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp ngày 05/9/2003 theo giấy chứng nhận số 4203011843.
- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 409 tờ bản đồ số 00, thôn TP, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐdo UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM543560 cấp ngày 25/01/2013.
- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 54, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐdo UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK073091 ngày 01/8/2007.
- Quyền sử dụng đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐdo UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK073092 ngày 01/8/2007.
- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG huyện ĐT, tỉnh LĐdo UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK073093 ngày 01/8/2007.
- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐdo UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK073094 ngày 01/8/2007.
- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 52, tờ bản đồ 00, thôn TP, xã NG, huyện ĐT, tỉnh LĐdo UBND huyện ĐT, tỉnh LĐcấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK073095 ngày 01/8/2007.

Theo Chứng thư thẩm định giá ngày 16/12/2025 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Thành Sen, tổng giá trị toàn bộ di sản là 38.148.076.000đồng (ba mươi tám tỷ một trăm bốn mươi tám triệu không trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

3. Công nhận quyền hưởng di sản:

Công nhận ông VTH và ông VTH là những người thừa kế theo pháp luật của ông VVL.

Công nhận ông VTH và ông VTH cùng đồng sở hữu, đồng sử dụng toàn bộ khối di sản thừa kế nêu tại mục 2 của Quyết định này.

4. Ghi nhận sự từ chối và tặng cho di sản:

4.1. Ghi nhận việc từ chối nhận di sản hợp pháp của: ông VĐH, bà HTMH, ông VVL, bà NTT, bà VTKT.

4.2. Ghi nhận việc tự nguyện tặng cho phần quyền hưởng di sản cho ông VTH, ông VTH của: ông NVT, bà VMT, bà VMT.

Tòa án xác định các giao dịch từ chối/tặng cho là tự nguyện, hợp pháp, có giá trị pháp lý.

5. Nghĩa vụ tài sản của người chết để lại: ghi nhận ông VTH đã T toán thay ông VVL toàn bộ nghĩa vụ tài sản với tổng số tiền 23.800.334.381đồng (hai mươi ba tỷ tám trăm triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi mốt đồng).

6. Về chi phí tố tụng: nguyên đơn ông VTH và ông VTH chịu toàn bộ chi phí tố tụng xem xét thẩm định, đo đạc và thẩm định giá tài sản là 105.000.000đồng; nguyên đơn đã nộp đủ và quyết toán xong.

7. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của bà VTKT và bà NTT, bà LTLN về việc "yêu cầu độc lập liên quan đến nghĩa vụ tài sản do người chết để lại", do bà VTKT và bà NTT, bà LTLN đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu nói trên của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

8.1. Buộc ông VTH và ông VTH phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 146.148.076đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu một trăm bốn tám ngàn không trăm bảy mươi sáu đồng), được trừ vào số tiền 12.088.484đồng ông VTH đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000010 ngày 04/10/2024 và số tiền 12.088.484đồng ông VTH đã tạm nộp theo biên lai thu số 0000009 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – LĐ) và số tiền 36.996.903đồng ông VTH và ông VTH đã tạm nộp theo biên lai thu số 0001332 ngày 19/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – LĐ.

8.2. Hoàn trả cho bà LTLN số tiền 28.500.000đồng (hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000273 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh LĐ(nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – LĐ).

8.3. Đối với thụ lý yêu cầu khởi kiện độc lập của bà VTKT, bà NTT thì Toà án thụ lý thuộc trường hợp người khởi kiện được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không thu tiền tạm ứng án phí của bà VTKT, bà NTT.

9. Thi hành bản án và đăng ký biến động đất đai: sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông VTH và ông VTH có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với các tài sản nêu tại mục 2 của Quyết định này theo quy định của pháp luật về đất đai; bản án này là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đăng ký biến động theo quy định.

10. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (11/02/2026); các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh LĐxét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LĐ;
- VKS nhân dân Khu vực 2 – LĐ;
- Thi hành án dân sự tỉnh LĐ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị T Vũ

TAND KHU VỰC 2

1OA110226.TL.QDBA
729